

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường của Nhà máy chế biến gỗ - Xí nghiệp Thắng Lợi tại thôn Bình An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định của Công ty Cổ phần Phú Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường của Nhà máy chế biến gỗ - Xí nghiệp Thắng Lợi tại thôn Bình An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 28/8/2019;

Xét nội dung báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của về việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường của Nhà máy chế biến gỗ - Xí nghiệp Thắng Lợi tại thôn Bình An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm công văn số 427/CV-PT ngày 07/11/2019 của Công ty Cổ phần Phú Tài;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1014/TTr-STNMT ngày 28/11/2019,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường của Nhà máy chế biến gỗ - Xí nghiệp Thăng Lợi tại thôn Bình An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Phú Tài (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Trách nhiệm của Chủ dự án

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND xã Phước Thành theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

4. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với các quy định tại Điều 1 Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

6. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Chủ dự án;
- Bộ TN & MT (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TN & MT;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND xã Phước Thành;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Châu**

## **PHỤ LỤC:**

**Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường dự án Nhà máy chế biến gỗ - xí nghiệp Thăng Lợi tại thôn Bình An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định của Công ty Cổ phần Phú Tài**  
(Kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_/QĐ-UBND ngày \_\_\_\_/\_\_\_\_/2019 của UBND tỉnh)

### **1. Thông tin về dự án**

1.1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường của Nhà máy chế biến gỗ - Xí nghiệp Thăng Lợi

1.2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Phú Tài

1.3. Địa điểm: thôn Bình An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

1.4. Quy mô, công suất dự án:

- Diện tích dự án: 127.578,6 m<sup>2</sup> (trong đó diện tích nhà máy chế biến gỗ hiện hữu là 91.538,6 m<sup>2</sup> và diện tích mở rộng là 36.040 m<sup>2</sup>).

- Công suất dự án: nâng công suất sản xuất từ 12.000 m<sup>3</sup>/năm gỗ thành phẩm lên 17.000 m<sup>3</sup>/năm gỗ thành phẩm.

1.5. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án: cải tạo 09 nhà vệ sinh và hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt; bổ sung xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày, hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 25 m<sup>3</sup>/giờ, trồng thêm cây xanh tại các khu vực phát sinh bụi, khí thải.

### **2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án**

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước mưa chảy tràn từ hoạt động của nhà máy.

- Bụi, khí thải từ quá trình giao thông; bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất, chế biến gỗ, từ lò hơi sấy gỗ. Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy.

- Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất phát sinh từ hoạt động chế biến gỗ của nhà máy; bùn thải từ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh từ hoạt động của nhà máy.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 41,83m<sup>3</sup>/ngày. Nước mưa chảy tràn qua bãi chứa gỗ phát sinh với lưu lượng khoảng 22,2 m<sup>3</sup>/h. Nước thải sản xuất (nước thải phun sơn và nước thải tẩy gỗ) phát sinh với lưu lượng khoảng 0,14m<sup>3</sup>/ngày.

- Tính chất nước thải: nước thải sinh hoạt có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ, chất thải rắn lơ lửng, độ màu và ô nhiễm vi sinh cao.

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án, từ hoạt động chế biến gỗ tại các phân xưởng của nhà máy; bụi sơn phát sinh từ công đoạn phun sơn.

- Khí thải phát sinh từ 04 lò hơi của nhà máy (2 lò hơi công suất 7 tấn/h; 01 lò hơi công suất 3,5 tấn/h và 01 lò hơi công suất 12 tấn/h).

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

### 2.4. Quy mô, tính chất của CTR công nghiệp thông thường

- CTR hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động ước tính khoảng 70 kg/ngày.

- CTR sản xuất phát sinh từ hoạt động chế biến gỗ của nhà máy gồm: các loại gỗ vụn, gỗ phế phẩm, vỏ gỗ, dăm bào, mùn cưa, bao bì carton,... phát sinh khoảng 68 m<sup>3</sup>/ngày; tro thu hồi từ 04 lò hơi khoảng 15kg/ngày.

- Tính chất của CTR: CTR sinh hoạt có hàm lượng chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi; CTR sản xuất có hàm lượng chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng, độ màu cao gây nhiễm bẩn nước mưa chảy tràn.

2.5. Quy mô, tính chất của CTNH: Dầu mỡ, giẻ lau, pin, ắc quy chì thải, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in,... phát sinh với khối lượng khoảng 1.488 kg/năm. Tính chất của CTNH là chứa các yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm và gây ngộ độc.

## 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

#### a. Nước thải sinh hoạt:

- Phương án xử lý:

- + Cải tạo 09 nhà vệ sinh (8 nhà vệ sinh cũ và 01 nhà vệ sinh xây mới). Nước thải nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sẽ đầu nối về hệ thống xử lý (HTXL) tập trung, bố trí các hố thu gom và bơm trên tuyến thu gom, đẩy nước thải về bể chứa nước thải của HTXL tập trung.

- + Nước thải nhà ăn sau khi qua HTXL nhà ăn công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày được bơm dẫn về HTXL tập trung (đã hoàn thành).

- + Đầu tư xây dựng HTXL nước thải sinh hoạt tập trung với công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý nước thải đảm bảo theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B với K=1 trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là mương Xanh phía Bắc nhà máy, tọa độ xả thải: 1524660; 592846 (thời gian hoàn thành: quý IV/2019 – quý II/2020).

- Sơ đồ công nghệ xử lý của HTXL nước thải sinh hoạt tập trung:

Nước thải → Hồ thu & tách dầu → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể khử trùng → Bể lọc than hoạt tính → Nước thải đầu ra (đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số K=1).

- Quy trình vận hành: nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ được bơm qua các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Hệ thống xử lý nước thải tập trung được thiết kế vận hành tự động, thời gian vận hành liên tục 24/24 giờ.

b. Nước mưa qua bãi chứa gỗ:

- Nước mưa chảy tràn tại bãi chứa gỗ được thu gom tập trung vào các mương bê tông xung quanh bãi chứa gỗ về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế của hệ thống 25 m<sup>3</sup>/giờ. Nước sau xử lý thải ra nguồn tiếp nhận hướng Bắc của cơ sở (mương Xanh) đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp cột B với K<sub>q</sub>=0,9; K<sub>f</sub>=1,2, tọa độ xả thải: 1524665; 592888 (hoàn thành: quý I/2020).

- Sơ đồ công nghệ xử lý:

Nước mưa chảy tràn tại bãi chứa gỗ → Bể điều hòa → Bể lọc thô → Bể oxy hóa 1 và 2 → Bể phản ứng lắng 1 và 2 → Bể trung gian → Bể lọc than hoạt tính 1 và 2 → Nước thải đầu ra đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp cột B (K<sub>q</sub>=0,9; K<sub>f</sub>=1,2).

- Quy trình vận hành: mưa chảy tràn tại bãi chứa gỗ sau khi xử lý sơ bộ được bơm qua các bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Hệ thống xử lý nước thải tập trung được thiết kế vận hành tự động, thời gian vận hành liên tục 24/24 giờ.

c. Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất: phát sinh từ buồng hấp thụ hơi sơn và nước thải tẩy gỗ (có chứa thành phần nguy hại), được thu gom và hợp đồng với Công ty TNHH thương mại và môi trường Hậu Sanh để thu gom và xử lý theo quy định.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

a. Bụi từ hoạt động chế biến gỗ tại các phân xưởng (gia công, tinh chế, ráp nguội):

- Lắp đặt hệ thống xử lý bụi gỗ của phân xưởng bao gồm 03 hệ thống thu bụi với tổng công suất 150.000 m<sup>3</sup>/giờ gồm các chụp hút cục bộ, hệ thống ống dẫn, các quạt đẩy và hút khí, buồng lắng bụi, xyclon thu bụi và lọc bụi tay áo đảm bảo đạt QCVN 05:2013/BTNMT – Quy Chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng không khí xung quanh trước khi ra môi trường (đã hoàn thành).

- Sơ đồ công nghệ xử lý:

Bụi gỗ → Quạt hút → Chụp hút → Lọc bụi túi vải → Cyclone lắng bụi → Buồng thu bụi → Kho chứa bụi.

- Quy trình vận hành: bụi phát sinh từ các hoạt động sản xuất, chế biến và gia công gỗ được thu gom về các chụp hút, quạt hút cục bộ và qua hệ thống lọc bụi túi vải, cyclone để xử lý và được thu hồi về kho chứa.

b. Bụi sơn và hơi dung môi:

- Lắp đặt hệ thống phun màng nước để hấp thụ bụi sơn trong quá trình phun, gồm có buồng phun sơn, buồng tạo màng nước hấp thụ hơi sơn, đồng thời lắp đặt các chụp hút để hút khí để đưa qua ống dẫn trước khi thoát ra môi trường.

c. Bụi từ xưởng cưa:

- Trồng thêm cây xanh tại các khu vực phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn như nhà xưởng cưa, nhà sấy gỗ và xung quanh tường rào của Xí nghiệp về phía Tây Nam với tổng diện tích 26.026 m<sup>2</sup>, chiếm 20,4 % (đạt tối thiểu 20% diện tích nhà máy). Loại cây trồng là cây trúc và cây xà cừ, mật độ trồng trung bình cây cách cây 3m, trồng 4 hàng ven tường rào.

- Lắp đặt bổ sung thêm lưới che chắn, vật liệu nhựa HDPE, cao 2m trên bờ tường xung quanh nhà máy khu vực phía Tây Nam để che chắn bụi, giảm thiểu bụi phát sinh từ xưởng cưa đến khu dân cư.

- Thời gian hoàn thành: quý I/2020.

d. Khí thải lò hơi:

- Lắp đặt Hệ thống xử lý khí thải cho 04 lò hơi, khí thải sau xử lý sẽ qua ống khói thải ra môi trường đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, Kv = 1,2; Kp = 1 (đã hoàn thành).

- Sơ đồ công nghệ xử lý:

Khí thải → Quạt hút → Cyclone → Tháp hấp thụ → Ống khói.

- Quy trình vận hành: khí thải phát sinh được quạt hút đưa vào cyclon, qua tháp hấp thụ để xử lý trước khi thải ra ống khói.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR công nghiệp thông thường và CTNH:

a. CTR sinh hoạt: trang bị thùng rác và hợp đồng với Đội vệ sinh xã Phước Thành, định kỳ 3 lần/tuần đến thu gom, xử lý.

b. CTR sản xuất:

- Xây dựng kho chứa bụi từ hệ thống thu hồi bụi (diện tích 20 m<sup>2</sup>). Bố trí khu vực lưu chứa bụi diện tích 70 m<sup>2</sup> phía Đông nhà máy.

- Tro thu hồi từ 04 lò hơi khoảng 10kg/ngày và bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sẽ thu gom vào các bao chứa và hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý.

c. CTNH:

- Xây dựng kho chứa CTNH với diện tích khoảng 25 m<sup>2</sup> ở vị trí phía Đông nhà máy. Hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại và Môi trường Hậu Sanh để thu gom, xử lý theo quy định.

- Lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

#### 3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Các xưởng đều được xây tường bao quanh để hạn chế tối đa âm thanh do máy móc phát ra bên ngoài.

- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân làm việc tại khu vực này, bố trí thời gian nghỉ giữa ca để đảm bảo sức khỏe và hiệu quả công việc.

- Lắp đặt các đệm chống ồn rung tại chân máy trong phân xưởng sản xuất.

- Trồng cây xanh cách ly giữa khu sản xuất với các khu văn phòng và khu vực bên ngoài nhà máy.

- Xây dựng tường rào xung quanh khuôn viên diện tích toàn nhà máy.

#### 3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Ban hành quy trình vận hành lò hơi và trang bị kiến thức cho công nhân sử dụng lò hơi.

- Trang bị các phương tiện chữa cháy như: bình chữa cháy cầm tay, bể chứa nước.

- Lắp đặt các biển báo cấm và biển báo nguy hiểm trong khu vực sản xuất và trong khuôn viên của Xí nghiệp.

#### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- 03 hệ thống thu hồi bụi với tổng công suất 150.000 m<sup>3</sup>/ giờ; 03 buồng xử lý bụi sơn theo phương pháp hấp thụ màng nước.

- 04 hệ thống xử lý khí thải tại 4 lò hơi (02 lò hơi công suất 7 tấn/h; 01 lò hơi công suất 3,5 tấn/h và 01 lò hơi công suất 12 tấn/h).

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hệ thống xử lý nước mưa bãi chứa gỗ công suất 25 m<sup>3</sup>/h.

- Nhà chứa bụi diện tích 20m<sup>2</sup>. Khu vực lưu chứa CTR hoạt diện tích 20 m<sup>2</sup>. Khu vực lưu chứa CTR sản xuất diện tích 70 m<sup>2</sup>. Kho chứa CTNH diện tích 25 m<sup>2</sup>.

- Trồng cây xanh với tổng diện tích 26.026 m<sup>2</sup> (chiếm 20,4 % diện tích dự án).

#### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

Các nội dung, yêu cầu, tần suất, thông số giám sát của chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành của dự án

##### 5.1. Giám sát chất lượng nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

- Thông số: pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, tổng coliform

- Vị trí giám sát: nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, tọa độ: 1524660; 592846

- Tần số giám sát: 3 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN14:2008/BTNMT Cột B, k = 1

b. Nước qua bãi chứa gỗ

- Thông số: pH, SS, COD, BOD<sub>5</sub>, Độ màu, Coliform

- Vị trí giám sát: nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước mưa bãi chứa gỗ, tọa độ 1524665; 592888

- Tần số giám sát: 3 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B, K<sub>q</sub>= 0,9, K<sub>f</sub>= 1,2

5.2. Giám sát chất lượng khí thải

- Thông số: Bụi, TSP, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO

- Vị trí giám sát: ống khói đầu ra của 04 lò hơi

+ Tại ống khói đầu ra lò hơi số 1 (công suất 3,5 tấn/h), tọa độ: 1524565; 592978

+ Tại ống khói đầu ra lò hơi số 2 (công suất 7 tấn/h), tọa độ: 1524603; 592930

+ Tại ống khói đầu ra lò hơi số 3 (công suất 7 tấn/h), tọa độ: 1524607; 592910

+ Tại ống khói đầu ra lò hơi số 4 (công suất 12 tấn/h), tọa độ: 1524595, 592915

- Tần số giám sát: 3 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, K<sub>p</sub>=1, K<sub>v</sub>=1,2, cột B

**5.3. Giám sát chất thải rắn**

Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom, tình hình thu gom và việc lưu giữ.